

Bản án số: 499/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2019

V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Minh Hải.

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 692/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1976; Trú tại đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1974; Trú tại đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn xin vắng mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Hương G – sinh năm 2000 *(Có đơn xin vắng mặt)*

2/ Trẻ Nguyễn Công D – sinh năm 2012 do bà Nguyễn Thị Thùy L là người đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Công T kết hôn vào năm 2000, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 427/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Tuy nhiên, do không thỏa thuận được nên bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 960983, số vào sổ cấp GCN CHO1747 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị Thùy L ngày 17/10/2011, bà yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất nêu trên.

Trong bản tự khai ngày 13/8/2018, bị đơn - ông Nguyễn Công T trình bày:

Ông và bà L kết hôn từ năm 2000 đến năm 2016 thì ly hôn. Ông xác nhận ông và bà L có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà L thì ông không đồng ý mà để cho con trai ở đến khi đủ 18 tuổi rồi mới bán hoặc làm thủ tục sang tên lại cho cháu.

Trong bản tự khai ngày 19/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Hương G trình bày: Bà là con chung của ông T và bà L, hiện đang sống tại nhà số đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà L và ông T bà G không có ý kiến gì, không có liên quan gì.

Trong bản tự khai ngày 19/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - trẻ Nguyễn Công D do bà Nguyễn Thị Thùy L là người đại diện theo pháp luật trình bày: Cháu D là con chung của ông T và bà L, hiện cháu đang sống cùng với bà tại nhà số đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, theo đó mỗi bên được $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại địa chỉ đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời bà yêu cầu Tòa buộc ông T trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí thẩm định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà bà đã nộp tạm ứng là 4.800.000 đồng.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hương G có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ Nguyễn Công D do bà Nguyễn Thị Thùy L là người đại diện theo pháp luật giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thùy L có đơn yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Nguyễn Công T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình – bị đơn có địa chỉ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Hương G có đơn xin vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trung, bà Giang.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 960983, số vào sổ cấp GCN CHO1747 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị Thùy L ngày 17/10/2011, theo sự thừa nhận của bà L và ý kiến của ông T kèm các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định nhà và đất tại địa chỉ đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà L và ông T theo quy định tại Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 427/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2016 thì ông T và bà L đã ly hôn và tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung. Nay bà L yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là phù hợp với các quy định tại Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét phía bà L không có yêu cầu chia hiện trạng đối với nhà và đất tại địa chỉ đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh mà chỉ có yêu cầu bà và ông T được chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất. Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà L được chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất là phù hợp nên chấp nhận.

Ý kiến của ông T không đồng ý chia tài sản chung là nhà đất nêu trên và để cho con trai ở đến khi đủ 18 tuổi rồi mới bán hoặc làm thủ tục sang tên lại cho cháu là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với các chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm chi phí thẩm định giá là 3.300.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng, bà L yêu cầu mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí này. Do bà L đã tạm ứng toàn bộ số tiền là 4.800.000 đồng nên căn cứ Khoản 2 Điều 157, Điều 158, Khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự ông T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà L số tiền 2.400.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số Vc 19/01/004/BĐS-TPVI ngày 28/01/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thẩm định giá Tiên Phong thì giá trị đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.154.658.000 đồng. Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L, ông T mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất nên án phí mỗi bên chịu tương ứng với giá trị được hưởng, cụ thể là 20.000.000 đồng + 4% x (577.329.000 đồng - 400.000.000 đồng) = 27.093.160 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 213, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L:

1.1. Xác định căn nhà và đất tại địa chỉ đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 960983, số vào sổ cấp GCN CHO1747 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị

Thùy L ngày 17/10/2011 là tài sản chung của ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị Thùy L.

1.2. Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Công T được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị của quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Ông Nguyễn Công T có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thùy L chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá là 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Công T chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 27.093.160 (Hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi ba ngàn một trăm sáu mươi) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà L đã nộp là 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0008682 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà L còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 20.843.160 (Hai mươi triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn một trăm sáu mươi) đồng.

Ông Nguyễn Công T phải chịu 27.093.160 (Hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi ba ngàn một trăm sáu mươi) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bành Kim Phụng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Tuấn

Lê Thị Minh Hải

Bành Kim Phụng